

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Ngữ pháp:

Độc:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 5: MONEY – GRAMMAR 1 & FINAL TEST CORRECTION

A. GRAMMAR

1. Comparative adverbs (Trạng từ so sánh hơn)

Ta dùng trạng từ so sánh hơn kết hợp với động từ để **thể hiện sự thay đổi** hoặc **so sánh tính chất của hành động** với nhau.

Loại trạng từ	Định nghĩa	Quy tắc	Cấu trúc
Short Adverbs (Trạng từ ngắn)	Trạng từ có một âm tiết: <i>fast, late, hard, etc.</i>	Thêm “-er” vào cuối (hoặc “-r” nếu kết thúc bằng “-e”)	S1 + V + short adv-er + than + S2 E.g.: <i>I study harder than Matt.</i>
Long Adverbs (Trạng từ dài)	Trạng từ có 2 âm tiết trở lên, thường kết thúc bằng “-ly”: <i>sadly, fluently, etc.</i>	Thêm “more” hoặc “less” trước trạng từ	S1 + V + more/less + long adv + than + S2 E.g.: <i>Susan runs more slowly than I do.</i>
Special Cases (Trường hợp đặc biệt)			
badly → worse, well → better, early → earlier many/much → more, little → less, far → farther/further			

2. Reflexive Pronouns (Đại từ phản thân)

Cách dùng:

- Khi **chủ ngữ** và **tân ngữ** của động từ **cùng chỉ một người/vật**, nghĩa là người/ vật thực hiện hành động cũng chính là người/vật chịu tác động của hành động đó.

E.g. *John cut himself while he was cooking.*

- Khi muốn **nhấn mạnh chủ thể thực hiện hành động**.

E.g. *I have painted the wall myself.*

Cấu trúc:

Subject Pronoun	Reflexive Pronoun	Subject Pronoun	Reflexive Pronoun
I	myself	It	itself
You	yourself	We	ourselves
He	himself	You (plural)	yourselves
She	herself	They	themselves

***Note:** Đại từ phản thân: có "by" và không có "by" khác nhau thế nào?

- Dùng **reflexive pronoun (myself, yourself...)** **KHÔNG** có **by** sẽ nhấn mạnh **chủ ngữ tự làm việc đó**.
 ✦ *She cut herself.* (Cô ấy tự cắt vào tay.)
- Dùng **by + reflexive pronoun** sẽ nhấn mạnh việc ai làm điều gì **một mình, không có ai giúp**.
 ✦ *She did it by herself.* (Cô ấy tự làm, không ai giúp.)

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	half-price (adj)	giảm nửa giá	4	suggest (v)	gợi ý
2	local (adj)	địa phương	5	message (n)	tin nhắn
3	adult (n)	người lớn			

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

GRAMMAR

I. Circle the correct answers.

0. Jim threw the ball _____ than Peter.
☒ A. farther B. more far C. farer
1. We answered all the questions _____ than the other students.
 A. well B. better C. weller
2. Our new teacher explains the exercises _____ than our old teacher.
 A. slowly B. more slowly C. much slowly
3. You need to work _____, or you will make a lot of mistakes.
 A. more careful B. carefuller C. more carefully
4. This girl dances _____ than that girl.
 A. more beautifully B. more beautiful C. beautifully
5. The new mechanic checked the car _____ than the old mechanic.
 A. less thoroughly B. thoroughly C. thoroughlier

II. Check if the sentence is correct or not. If it's correct, write CORRECT, if it's not, find and correct the mistake.

0. Julia had a great holiday. She enjoyed her.
 ➤ her → herself
1. It's not my fault. You can't blame me.
 ➤ _____ → _____
2. What I did was very wrong. I'm ashamed of myself.
 ➤ _____ → _____
3. The old man is no longer able to look after him.
 ➤ _____ → _____
4. She took a photo of her and sent it to me.
 ➤ _____ → _____
5. Don't tell us the answer to the puzzle. We can work it out by ours.
 ➤ _____ → _____

III. Rewrite the sentences so that they have the same meaning as the previous ones. Use COMPARATIVE ADVERBS.

0. Ann speaks French more fluently than James.
 → James speaks French less fluently than Ann.
1. Today the sun shines more brightly than yesterday.
 → Yesterday, the sun _____.
2. The brown dog barks more loudly than the yellow dog.
 → The yellow dog _____.
3. Jim behaves less politely than his younger brother.
 → Jim's younger brother _____.
4. Teenagers act more violently these days than in the past.
 → Teenagers in the past _____.
5. Mary drives less carefully than she used to.
 → Mary used to _____.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài.

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1.

Circus in Town

Come and see wild animals and funny clowns in an amazing show for the whole family.



Buy tickets now!
Half-price tickets for children!
Show Time: Saturday and Sunday 7pm

- A. The show isn't good for children.
- B. The show is on two days of the week.
- C. Right now, parents' tickets are half price.

2.



- A. The school is going to the museum by train.
- B. Jane and her friend are going on a school trip.
- C. The trip to the museum is after next week.

3.

City Zoo

The City Zoo is open every day from 9am to 5pm.
 All children must be with an adult.
 Mondays: closed all day



- A. City zoo is open six days a week.
- B. Children can go to the zoo on their own.
- C. Only adults can visit the city zoo.

4.

11:05 - Bus to the local school

We are sorry to
tell you that

there will be a
delay of twenty minutes on this
bus today.



Students using this bus

- A. will arrive at their school 20 minutes later.
- B. will arrive at their school at 11:05.
- C. will be at their school in 20 minutes.

5.

New Message

From: Paul

To: Alice

Hello

When are you buying your new bicycle?
This Monday or the next? Can I ride your
new bike when you get it?

Why has Paul written this?

- A. to tell Alice about his new bicycle
- B. to suggest meeting Alice next Monday
- C. to ask Alice if he can ride her new bicycle

6.

Beach Restaurant

Please ask your waiter
for the children's menu.
Every child gets a free
dessert with their meal.



- A. Children can get a free meal.
- B. There is special food for children.
- C. The waiter can have a free dessert.